TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2024/HS-PT
Ngày 14 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Triệu Ngọc Thức

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Văn G, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Đặng Văn G**, sinh ngày 18/02/1978 tại Nam Định;

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946; Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1979 và Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Bà Quan Thị C, chức vụ: Chủ tịch UBND xã B. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hà Thị H1**, chức vụ: Công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường UBND xã B. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nông Văn T**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/12/2008, ông Nông Văn T, sinh năm 1964, trú tại thôn Bản Chang, xã B, huyện C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ số 1, thửa đất số 134, diện tích 7.912 m, thuộc khu R, thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Giáp vị trí đất rừng dược cấp giấy chứng nhận của ông T là diện tích đất rừng của bà Triệu Thị Y, sinh năm 1946 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tờ bản đồ số 1, thửa đất số 124, diện tích 27.053 m thuộc lô B, khoảnh 332. Diện tích đất của ông T, bà Y được cấp thuộc trạng thái rừng TXP, chức năng rừng sản xuất, là rừng tự nhiên (theo bản đồ quy hoạch phân 3 loại rừng xã B, ban hành kèm theo Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh T và Quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân ba loại rừng số 1820 ngày 16/12/2022, của Ủy ban nhân dân tỉnh T) do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C quản lý (giao đất không giao rừng). Mặc dù được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông T, bà Y lại tự phân chia ranh giới để chăm sóc, bảo vệ, không đúng với thực tế diện tích đất rừng được cấp giấy chứng nhận. Do đó có sự việc ông T chăm sóc, bảo vệ lấn sang một phần diện tích giáp ranh với đất rừng được giao do bà Y quản lý, trong diện tích này có 01 cây Đa xanh (là cây rừng mọc tự nhiên trước khi ông T, bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Khoảng đầu tháng 12 năm 2023, Đặng Văn G nảy sinh ý định đi mua gỗ, mục đích để khai thác bán lấy tiền. Khi G đến xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang thì biết ông Nông Văn T có cây Đa xanh muốn bán nên đã tìm đến nhà ông T. Sau khi thoả thuận ông T đã bán cây gỗ nêu trên cho G với giá 5.000.000d (Năm triệu đồng), thủ tục xin cấp phép khaithác, vận chuyển do G tự thực hiện và chịu trách nhiệm. Mặc dù G biết cây Đ xanh đã mua với ông T là cây rừng tự nhiên nhưng G không liên hệ cấp có thẩm quyền để xin cấp phép khai. Ngày 16/12/2023, G mượn 01 máy cưa xăng của Nguyễn Văn M (M không biết G mượn cưa xăng làm gì, ở dâu) rồi đi đến vị trí gốc cây Đa xanh, thuộc lô B, khoảnh 332, trạng thái TXP, chức năng rừng sản xuất, là rừng tự nhiên để cắt đổ cây, sau đó G đi về nhà. Ngày 19/12/2023, G tiếp tục đến vị trí cây Đa xanh đã cắt đổ, rồi dùng cưa xăng cắt thành 61 đoạn có tổng khối lượng 16,958 m để thuận tiện cho việc vận chuyển, sau khi cắt xong G thuê Ma Văn Q, sử dụng xe tự chế có gắn đầu máy nông nghiệp để vận chuyển toàn bộ các đoạn gỗ từ vị trí khai thác đến điểm tập kết là đoạn đường liên thôn. Đến 17 giờ ngày 24/12/2023, G thuê Nguyễn Cao C1 dùng xe ô tô tải có gắn cần cẩu để cẩu được 11 đoạn gỗ có khối lượng 4,862 mở lên xe ô tô tải biển số 22H-008.66 (xe của Nguyễn Thị Thu H2 là chủ xe) cho Vũ Trọng L mượn để vận chuyển gỗ đi bán (L không biết nguồn gốc số gỗ do khai thác trái phép).

Khi L điều khiển xe ô tô đi đến đoạn đường thuộc thôn T, xã P, huyện C thì bị tổ công tác của Hạt Kiểm lâm huyện C, tỉnh Tuyên Quang phát hiện, thu giữ cùng toàn bộ vật chứng gồm: 11 đoạn gỗ có khối lượng 4,862 m trên xe ô tô tải biển số 22H-008.66 và 50 đoạn gỗ có khối lượng 12,096 mở được G khai thác, tập kết tại đoạn đường liên thôn, thuộc thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình giải quyết. Hạt kiểm lâm huyện C xác định vụ việc có dấu hiệu của tội vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản nên đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình khám nghiệm hiện trường và Hạt kiểm lâm huyện C xác định: Cây gỗ do Đặng Văn G khai thác xác định là cây gỗ Đa xanh (Bộp), tên khoa học Ficus C2, họ dâu tằm (Moraceae) được xếp nhóm VIII, loài cây không có tên trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Vị trí khai thác thuộc lô 21, khoảnh 332 trạng thái TXP, chức năng rừng sản xuất, là rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C quản lý. Còn lại hiện trường gồm 6 phần rễ cây Da Xanh, cao cách mặt đất 90 cm. Không xác định được khối lượng do rễ có hình thù phức tạp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: Trị giá lâm sản do Đặng Văn G khai thác tại thời điểm tháng 12/2023, có tổng trị giá là: 20.862.000d (Hai mươi triệu tám trăm sáu hai nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn G phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đặng Văn G 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngày 25/7/2024, bị cáo Đặng Văn G có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo Đặng Văn G 01 năm 04 tháng tù là đúng người, đúng tội, tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin hưởng án treo và xuất trình tài liệu mới là Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba và Huân

chương kháng chiến Hạng Ba của ông Đặng Văn D là bố đẻ của bị cáo; đại diện Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C về phần hình phạt như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đặng Văn G 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận với Kiểm sát viên.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 16, 19/12/2023, Đặng Văn G đã có hành vi khai thác trái phép 01 cây Đa xanh (tên gọi khác là cây gỗ B), có tổng khối lượng 16,958 m" (thuộc loại thực vật thông thường nhóm VIII), thuộc lô B, khoảnh 332, trạng thái TXP, chức năng rừng sản xuất, là rừng tự nhiên do Ủy ban

nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang quản lý. Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 20.862.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong quản lý, khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đặng Văn G về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Đặng Văn G mức án 01 năm 04 tháng tù là có căn cứ, đúng người đúng tội, phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin hưởng án treo và xuất trình tài liệu mới là Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba và Huân chương kháng chiến Hạng Ba của ông Đặng Văn D là bố đẻ của bị cáo; đại diện Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C về phần hình phạt hình phạt của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Văn G, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2024/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt của bị cáo như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đặng Văn G 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (14/9/2024).

Giao bị cáo Đặng Văn G cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo đã nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0001160 ngày 13/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2024)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh TQ;
- TAND huyện C, tỉnh TQ;
- VKSND huyện C, tỉnh TQ;
- Công an huyện C, tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Xuân Thủy